TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH NINH BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HS-ST
Ngày 25 - 12 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Vũ Quang Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu và ông Đinh Ngọc Vường.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2023/TL-STHS ngày 29 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** sinh năm 1999; tại N, Ninh Bình; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn Phượng Lâm, xã Văn Phú, huyện N, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn:12/12; con ông Nguyễn Văn Nghĩa, con bà Hoàng Thị Nguyệt; vợ con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: anh Nguyễn Văn Định sinh năm 1992; Trú tại: thôn Thượng, xã Thanh Lạc, huyện N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

**Người làm chứng, chứng kiến*: chị Phạm Thị Thúy; có mặt, bà Hoàng Thị Nguyệt; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T nghề nghiệp là lao động tự do, T không công tác hoặc có chức vụ gì thuộc các tổ chức tín dụng, công ty tài chính, cũng không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, thế chấp tài sản hoặc kinh doanh tiền tệ xong do quen biết với anh Nguyễn Văn Định, sinh năm 1992, trú tại thôn Thượng, xã Thanh Lạc, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đang có khó khăn về tài chính và có nhu cầu vay tiền của T. Vì vậy, T đã nảy sinh ý định cho anh Định vay tiền với

mức lãi suất cao, đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính. Khi anh Định vay tiền của T không phải cầm cố, thế chấp tài sản gì, việc Nguyễn Văn T cho anh Nguyễn Văn Định vay tiền được thực hiện bằng hợp đồng miệng, cụ thể:

Vào ngày 27/8/2021, khi Nguyễn Văn T đang ở nhà thì anh Nguyễn Văn Định sử dụng điện thoại di động, lắp sim số 0365.793.838 của mình gọi điện đến điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8, lắp sim số 0989.876.135 của Nguyễn Văn T để hỏi vay lãi số tiền 20.000.000đồng thì T đồng ý. Trước khi cho vay, Nguyễn Văn T và anh Định thỏa thuận với nhau về mức lãi suất và tính số ngày vay lãi cụ thể như sau: Đối với mức lãi suất được tính là 10.000 đồng/ 01 triệu/ 1 ngày, còn số ngày vay được tính theo tháng, mỗi tháng được tính tròn là 30 ngày chẵn *(không tính theo tháng có 28 ngày hoặc 31 ngày)*. Sau khi thống nhất, cùng ngày 27/8/2021, T đã đồng ý cho anh Định vay số tiền 20.000.000đồng, nhưng thực tế T dùng tài khoản ngân hàng của mình chỉ chuyển cho anh Định số tiền 14.000.000đồng bởi vì T đã trừ luôn số tiền lãi (200.000 đồng x 30 ngày) là 6.000.000đồng của 01 tháng đầu tiên. Sau khi vay tiền, anh Nguyễn Văn Định đã phải trả lãi suất cho T thông qua tài khoản ngân hàng của anh Định đến tài khoản ngân hàng của T lần lượt vào những thời gian cụ thể như sau:

** Mốc thứ nhất:* Trong thời gian từ ngày **27/8/2021** *(ngày bắt đầu vay tiền)* **đến ngày 27/01/2022** tổng là 05 tháng (tương đương: 5 x 30 ngày = 150 ngày theo thỏa thuận của hai bên) với mức lãi suất là: 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày bằng số tiền lãi: 6.000.000 đồng/ 01 tháng và tương ứng với mức lãi suất là 365%/năm của khoản tiền gốc vay. Anh Định đã phải thanh toán cho T số tiền lãi cụ thể như sau:

- Vào ngày 27/8/2021, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 6.000.000đồng *(T đã thu tiền lãi của tháng đầu tiền trước khi cho vay như đã nêu)*.
- Vào ngày 27/9/2021, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 6.000.000đồng.
- Vào ngày 30/10/2021, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 5.500.000đồng và còn nợ lại T số tiền 500.000đồng.
- Vào ngày 09/12/2021, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 3.000.000đồng và còn nợ lại T số tiền 3.000.000đồng.
- Vào ngày 02/01/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 4.000.000đồng và còn nợ lại T số tiền 2.000.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà anh Định đã trả lãi cho T vào các tháng trên là: **24.500.000đồng**. Anh Định còn nợ T số tiền **5.500.000đồng**.

** Mốc thứ hai:* Trong thời gian từ ngày **27/01/2022 đến ngày 28/6/2022** tổng là 05 tháng (tương đương: 5 x 30 ngày = 150 ngày theo thỏa thuận của hai bên). Vào khoảng thời gian này, do có khó khăn về tài chính nên anh Định đã xin T giảm mức lãi suất từ 6.000.000đồng/ 01 tháng xuống còn 5.500.000đồng/ 01 tháng thì T đồng ý. Mức lãi suất lúc này của anh Định phải trả được giảm xuống từ 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày xuống còn 9.166 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, tương ứng với mức lãi suất là 334,58%/năm của khoản tiền gốc vay. Anh Định đã phải thanh toán cho T số tiền lãi cụ thể như sau:

- Vào ngày 27/01/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 5.000.000đồng còn nợ lại T số tiền 500.000đồng.

- Vào ngày 04/3/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 3.500.000đồng và còn nợ lại T số tiền 2.000.000đồng.

- Vào ngày 27/3/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 3.500.000đồng và còn nợ lại T số tiền 2.000.000đồng. Sau đó, đến ngày 05/5/2022, anh Định đã trả hết số tiền nợ 2.000.000đồng nêu trên. Tổng số tiền anh Định đã trả lãi cho T của tháng này là: 5.500.000đồng.

- Vào ngày 30/4/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 4.500.000đồng và còn nợ lại T số tiền 1.000.000đồng. Sau đó, đến ngày 05/5/2022, anh Định đã trả cho T thêm số tiền 500.000đồng. Tổng số tiền anh Định đã trả lãi cho T của tháng này là: 5.000.000đồng và còn nợ lại T số tiền 500.000đồng.

- Vào ngày 29/5/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.500.000đồng và còn nợ lại T số tiền 3.000.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà anh Định đã trả lãi cho T vào các tháng trên là: **21.500.000đồng**. Anh Định còn nợ T số tiền **6.000.000đồng**.

** Mốc thứ ba:* Trong thời gian từ ngày **29/6/2022 đến ngày 28/3/2022** tổng là 09 tháng (tương đương: 9 x 30 ngày = 270 ngày theo thỏa thuận của hai bên). Vào khoảng thời gian này, do rất khó khăn về tài chính nên anh Định đã xin T giảm mức lãi suất từ 5.500.000đồng/ 01 tháng xuống còn 2.500.000đồng/ 01 tháng thì T đồng ý. Mức lãi suất lúc này của anh Định phải trả được giảm xuống từ 9.166 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày xuống còn 4.166 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, tương ứng với mức lãi suất là 152,08%/năm của khoản tiền gốc vay. Anh Định đã phải thanh toán cho T số tiền lãi cụ thể như sau:

- Vào ngày 01/7/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.000.000đồng và còn nợ lại T số tiền 500.000đồng.

- Vào ngày 06/8/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 1.500.000đồng và còn nợ lại T số tiền 1.000.000đồng.

- Vào ngày 28/8/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.500.000đồng.

- Vào ngày 02/10/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.500.000đồng.

- Vào ngày 31/10/2022, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.500.000đồng.

- Vào ngày 01/01/2023, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.500.000đồng.

- Vào ngày 21/02/2023, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.300.000đồng và còn nợ lại T số tiền 200.000đồng.

- Vào ngày 01/03/2023, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.000.000đồng và còn nợ lại T số tiền 500.000đồng.

- Vào ngày 28/03/2023, anh Định đã trả số tiền lãi cho T là 2.500.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà anh Định đã trả lãi cho T vào các tháng trên là: **20.300.000đồng**. Anh Định còn nợ T số tiền **2.200.000đồng**.

Kể từ ngày 28/3/2023 trở về sau, anh Định đã xin T không tính lãi suất đối với khoản tiền gốc vay 20.000.000đồng và không phải chịu bất cứ khoản tiền lãi suất nào khác thì T nhất trí. Lúc này, hành vi cho vay lãi nặng của T kết thúc.

Như vậy, việc cho vay lãi nặng của Nguyễn Văn T được tính từ thời điểm

ngày 27/8/2021 (ngày bắt đầu cho vay) đến hết ngày 28/3/2023 (ngày kết thúc việc tính lãi) với tổng thời gian được xác định là 19 tháng. Do các bên thỏa thuận với nhau 01 tháng được tính chẵn là 30 ngày, do đó số ngày cho vay được tính là 19 x 30 ngày (01 tháng) bằng 570 ngày.

Căn cứ vào mục đích cho vay để nhằm thu lời bất chính của T thì tổng số tiền lãi mà anh Định sẽ phải trả cho T trong thời gian trên bằng tổng số tiền là **80.000.000 đồng**. Tuy nhiên thực tế anh Định mới trả cho T được số tiền là **66.300.000 đồng** và còn nợ số tiền **13.700.000 đồng**.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất cao nhất mà T được hưởng (không trái luật) là 20%/năm của khoản tiền gốc vay 20.000.000 đồng, được tính *(theo công thức là 20:100x20.000.000:365x570)* bằng số tiền **6.246.575 đồng**. Như vậy, số tiền mà T nhằm thu lời bất chính là *(80.000.000 đồng - 6.246.575 đồng)* số tiền **73.753.425 đồng**. Còn số tiền mà T đã thực tế thu lời bất chính được của anh Định là *(66.300.000 đồng - 6.246.575 đồng)* số tiền **60.053.425 đồng.**

Vào khoảng 17 giờ 15 phút, ngày 24/9/2023, sau khi nhận được tố giác của quần chúng nhân dân, Tổ công tác Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phối hợp với Công an xã Văn Phú, huyện N tiến hành triệu tập Nguyễn Văn T lên làm việc. Tại Công an xã Văn Phú, T đã thừa nhận về toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng của mình đối với anh Nguyễn Văn Định nêu trên, đồng thời T đã giao nộp cho Tổ công tác: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8, lắp sim số thuê bao 0989.876.135, qua kiểm tra điện thoại của T có lưu trữ tin nhắn liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng phù hợp với lời khai của T và anh Định. Sau khi kiểm tra, Tổ công tác đã niêm phong chiếc điện thoại, lắp sim nêu trên của T vào 01 phong bì theo đúng quy định của pháp luật.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản cáo trạng số 94/CT-VKSNDNQ-HS ngày 27/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, truy tố Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 50 triệu đồng đến 70 triệu đồng.

- Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8, thu của Nguyễn Văn T là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 sim điện thoại; 01 vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại.

- Buộc Nguyễn Văn T phải trả lại cho anh Nguyễn Văn Định số tiền: 60. 053.425 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn Định phải nộp lại số tiền đã vay của T để sung ngân sách Nhà nước là: 20.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 6.246.575 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản sự việc, biên bản kiểm tra điện thoại, bản sao kê tài khoản ngân hàng của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/8/2021 đến 28/3/2023, tại gia đình của Nguyễn Văn T ở thôn Phượng Lâm, xã Văn Phú, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nguyễn Văn T đã có hành vi bỏ ra số tiền 20.000.000đồng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, với mức lãi suất lần lượt là 10.000 đồng; 9.166 đồng và 4.166 đồng trên 01 triệu 01 ngày tương đương mức 365%; 334,58% và 152,08% trên năm của khoản tiền vay đối với người đi vay là anh Nguyễn Văn Định, sinh năm 1992, trú tại thôn Thượng, xã Thanh Lạc, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Mức lãi suất mà Nguyễn Văn T cho anh Định vay đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đối với khoản vay lãi trên anh Định sẽ phải trả cho T số tiền 80.000.000đồng, trong đó lãi suất hợp pháp mà T được hưởng theo quy

định của pháp luật dân sự là 6.246.575 đồng. Nhưng do điều kiện khách quan, anh Định bị khó khăn về tài chính nên mới trả được 66.300.000đồng cho T và còn nợ lại số tiền 13.700.000đồng. Số tiền Nguyễn Văn T đã thực tế thu lời bất chính là 60.053.425 đồng. Vì vậy, T phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền là 73.753.425 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. ……..

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước; xâm phạm đến an toàn công cộng và lợi ích của cá nhân. Bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Để bảo vệ trật tự xã hội, có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, đưa ra xét xử, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố Nguyễn Văn T với tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; là những tình tiết giảm nhẹ hình trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Đối 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8, thu giữ của Nguyễn Văn T, là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 phong bì đựng chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn T, không còn giá trị kinh tế, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay, theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì "Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực". Khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay tiền. Do đó, buộc Nguyễn Văn T phải trả lại cho anh Nguyễn Văn Định số tiền: 60.053.425 đồng.

- Đối với số tiền người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án(anh Nguyễn Văn Định) chưa trả tiền gốc đã vay cho Nguyễn Văn T. Số tiền này là công cụ T dùng vào việc phạm tội. Cần buộc anh Nguyễn Văn Định nộp lại số tiền đã vay của T để sung ngân sách Nhà nước, số tiền là: 20.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền: 6.246.575 đồng là tiền lãi bị cáo sử dụng vào việc phạm tội để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự.

1.**Tuyên bố**: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 55 triệu đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8, thu giữ của Nguyễn Văn T, là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì đựng chiếc điện thoại và 01 sim số thuê bao 0989.876.135, thu giữ của Nguyễn Văn T.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 27/11/2023.

- Buộc Nguyễn Văn T phải trả lại cho anh Nguyễn Văn Định số tiền: 60.053.425 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn Định phải nộp lại số tiền đã vay của Nguyễn Văn T để sung ngân sách Nhà nước là: 20.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền: 6.246.575 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (25/12/2023); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND H.NQ;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- CA H.NQ;
- CCTHADS H.NQ;
- Sở Tư pháp T.NB;
- Lưu VP, HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Quang Chung